

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/KDTM-ST
Ngày: 31 – 01 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Kim Hương
- Ông Phạm Quang Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2022/TLST-KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P; Trụ sở: Số D (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1 và tầng 2 của Tòa nhà) và số D đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Thương T, sinh năm 1989; Địa chỉ liên hệ: Tầng G, Số D đường Ú, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy uỷ quyền số 95/2022/UQ-OCB ngày 14/3/2022) (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH S; Địa chỉ trụ sở: Số E đường N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1985; Địa chỉ: B đường B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần P do ông Lê Thương T làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S) có ký kết với Ngân hàng TMCP P (sau đây gọi tắt là OCB) các Hợp đồng tín dụng sau:

*** Hợp đồng tín dụng số 0941/2017/HĐTD-DN ngày 19/10/2017 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 0941)**

- Số tiền vay: 670.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu đồng);
- Mục đích vay: Vay mua xe ô tô Chevrolet Colorado, màu xám, mới 100%;
- Thời hạn vay: 84 tháng;
- Lãi suất vay: Lãi suất 7,99%/năm (trên cơ sở tính 01 năm là 360 ngày). Tương đương lãi suất vay trên cơ sở tính 01 năm là 365 ngày là 8,1010%/năm, với công thức quy đổi là $(7,99\%/năm: 360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày}$ áp dụng trong 12 tháng đầu. Từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức tính lãi như sau: Lãi suất vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + Biên độ lãi suất. Trong đó:
 - + Lãi suất cơ sở: (Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố tại thời điểm tính lãi: 360) x 365.
 - + Biên độ lãi suất: $(3,5\%/năm: 360) \times 365$.
 - + Áp dụng lãi suất ưu đãi “21 năm gắn kết cùng đối tác” cho đối tác liên kết xe hoặc các chương trình ưu đãi lãi suất khác của O nếu thuộc đối tượng
 - + Thay đổi lãi suất: Kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở, biên độ lãi suất và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của O tại từng thời kỳ.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;

OCB đã giải ngân cho Công ty S theo Khế ước nhận nợ số 0941.01/2017-OCB/KU'NN-DN ngày 19/10/2017.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty S đã thế chấp xe tải pickup cabin kép biển số đăng ký **51D-226.25** theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 294684 do Phòng C1 - Công an Thành Phố H cấp ngày 19/10/2017 do Công ty S là chủ sở hữu. Tài sản bảo đảm đã được thế chấp theo Hợp đồng

bảo đảm tài sản số 0941/2017/BĐ ký ngày 19/10/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0941.01/SĐBS-HĐBĐ ngày 20/11/2017 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 19/10/2017.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng số 0941, Công ty S đã thanh toán được cho OCB số tiền là 327.098.485 đồng, trong đó nợ gốc là 199.500.000 đồng, lãi trong hạn là 120.067.738 đồng, lãi quá hạn là 7.530.747 đồng. Tính đến ngày 31/01/2024, Công ty S còn nợ OCB số tiền là 793.714.658 đồng, trong đó nợ gốc là 470.500.000 đồng, lãi trong hạn là 131.339.770 đồng, lãi quá hạn là 191.874.888 đồng.

*** Hợp đồng tín dụng số 0942/2017/HĐTD-DN ngày 23/10/2017 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 0942)**

- Số tiền vay: 670.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu đồng);
- Mục đích vay: Vay mua xe ô tô Chevrolet Colorado, màu nâu, mới 100%;
- Thời hạn vay: 84 tháng;
- Lãi suất vay: Lãi suất 7,99%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 360 ngày). Tương đương lãi suất vay trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày là 8,1010%/năm, với công thức quy đổi là $(7,99\%/năm : 360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày}$ áp dụng trong 12 tháng đầu. Từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức tính lãi như sau: Lãi suất vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + Biên độ lãi suất. Trong đó:
 - + Lãi suất cơ sở: (Bảng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố tại thời điểm tính lãi: 360) x 365
 - + Biên độ lãi suất: $(3,5\%/năm : 360) \times 365$.
 - + Áp dụng lãi suất ưu đãi “21 năm gắn kết cùng đối tác” cho đối tác liên kết xe hoặc các chương trình ưu đãi lãi suất khác của O nếu thuộc đối tượng
 - + Thay đổi lãi suất: Kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở, biên độ lãi suất và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của O tại từng thời kỳ.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;

OCB đã giải ngân cho Công ty S theo Khế ước nhận nợ số 0942.01/2017-OCB/KU'NN-DN ngày 23/10/2017.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty S đã thế chấp xe Tải pickup cabin kép biển số đăng ký **51D-228.00** theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 314297 do Phòng C1 - Công an Thành Phố H cấp ngày 21/10/2017 do Công ty S là chủ sở hữu. Tài sản bảo đảm đã được thế chấp theo Hợp đồng

bảo đảm tài sản số 0942/2017/BĐ ký ngày 23/10/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0942.01/SĐBS-HĐBĐ ngày 20/11/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/10/2017.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng số 0942, Công ty S đã thanh toán được cho OCB số tiền là 582.394.678 đồng, trong đó nợ gốc là 472.102.000 đồng, lãi trong hạn là 103.958.697 đồng, lãi quá hạn là 6.333.981 đồng. Tính đến ngày 31/01/2024, Công ty S còn nợ OCB số tiền là 362.256.565 đồng, trong đó nợ gốc là 197.898.000 đồng, lãi trong hạn là 116.303.427 đồng, lãi quá hạn là 48.055.138 đồng.

Do Công ty N cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ và các cam kết đã ký kết với OCB. Vì vậy, nay OCB khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

- Buộc Công ty S có trách nhiệm thanh toán cho OCB tổng số tiền là 1.155.971.223 đồng (một tỷ, một trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm hai mươi ba đồng), cụ thể như sau: Khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 0941/2017/HĐTD-DN ngày 19/10/2017 là 793.714.658 đồng, trong đó nợ gốc là 470.500.000 đồng, lãi trong hạn là 131.339.770 đồng, lãi quá hạn là 191.874.888 đồng; Khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 0942/2017/HĐTD-DN ngày 23/10/2017 là 362.256.565 đồng, trong đó nợ gốc là 197.898.000 đồng, lãi trong hạn là 116.303.427 đồng, lãi quá hạn là 48.055.138 đồng.

- Buộc Công ty S thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 01/02/2024 cho đến khi Công ty S hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho OCB.

- Buộc Công ty S thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi quyết định/bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Nếu Công ty N1 thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì OCB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng bảo đảm tài sản số 0941/2017/BĐ ký ngày 19/10/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0941.01/SĐBS-HĐBĐ ngày 20/11/2017 để thu hồi toàn bộ nợ vay của Công ty S tại OCB theo quy định pháp luật. Chi tiết tài sản bảo đảm như sau: Xe tải pickup cabin kép biển số đăng ký 51D-226.25 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 294684 do Phòng C1 - Công an Thành phố H cấp ngày 19/10/2017 do Công ty S là chủ sở hữu.

Riêng đối với xe tải pickup cabin kép biển số đăng ký 51D-228.00 là tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 0942/2017/HĐTD-DN ngày 23/10/2017 và đã được thế chấp theo Hợp đồng bảo đảm tài sản số

0942/2017/BĐ ký ngày 23/10/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0942.01/SĐBS-HĐBĐ ngày 20/11/2017 đã được OCB đã tiến hành thu giữ, bán đấu giá xe theo quy định pháp luật nên OCB không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản bảo đảm này.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do O đã đóng tạm ứng là 3.000.000 đồng, đề nghị Công ty N2 cho OCB theo quy định của pháp luật.

Toà án nhân dân quận Tân Phú đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho Công ty S và người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Nguyễn Hữu C nhưng phía bị đơn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Có đơn xin vắng mặt
- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Căn cứ Điều 92, 93, 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 295, 299, 351, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP P.

+ Công ty TNHH S phải trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP P tổng số nợ còn thiếu tính đến hết ngày 31/01/2024 là 1.155.971.223 đồng, trong đó nợ gốc là 668.398.000 đồng, nợ lãi là 487.573.223 đồng (gồm: lãi trong hạn: 247.643.197 đồng, lãi quá hạn: 239.930.026 đồng). Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày 01/02/2024, Công ty TNHH S vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số cho Ngân hàng TMCP P.

- Trường hợp Công ty TNHH S không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp như sau: Xe tải pickup cabin kép biển số đăng ký 51D-226.25 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 294684 do Phòng C1 - Công an Thành Phố H cấp ngày 19/10/2017.

- Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2022 của nguyên đơn, Hợp đồng tín dụng số 0941/2017/HĐTD-DN ngày 19/10/2017, Hợp đồng tín dụng số 0942/2017/HĐTD-DN ngày 23/10/2017 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn có trụ sở tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn:* Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 26/12/2023. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Do Công ty TNHH S1 ông Nguyễn Hữu C làm đại diện theo pháp luật vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các thông báo này cũng thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản

trình bày ý kiến về vụ kiện, cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc:

Xét các Hợp đồng số 0941/2017, Hợp đồng số 0942, các khế ước nhận nợ số 0941.01/2017-OCB/KU'NN-DN ngày 19/10/2017, số 0942.01/2017-OCB/KU'NN-DN ngày 23/10/2017 và lời khai của đại diện nguyên đơn thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 401 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên có cơ sở xác định Công ty S đã vay của O tổng số tiền là 1.340.000.000 đồng, trong đó nợ vay của mỗi hợp đồng là 670.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng vay, Công ty N3 thanh toán được số nợ gốc của Hợp đồng số 0941 là 199.500.000 đồng và của Hợp đồng số 0942 là 472.102.000 đồng. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của bị đơn đã vi phạm các thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ đã ký với OCB và vi phạm Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, OCB yêu cầu Công ty S thanh toán số nợ gốc tạm tính đến ngày 31/01/2024 của Hợp đồng số 0941 là 470.500.000 đồng và Hợp đồng số 0942/2017 là 197.898.000 đồng có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ lãi:

Tại Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 7,99%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu. Từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm hiện tại là 11,6%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N4 về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Hội đồng xét xử xét thấy hai bên thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn và phạt vi phạm phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Do đó, OCB yêu cầu bị đơn phải trả lãi của Hợp đồng số 0941 là 323.214.658 đồng, trong đó lãi trong hạn là 131.339.770 đồng, lãi quá hạn là 191.874.888 đồng và của Hợp đồng số 0942 là 164.358.565 đồng, lãi trong hạn là 116.303.427 đồng, lãi quá hạn là 48.055.138 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và các khế ước nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.3] Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của O. Do đó, OCB yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo:

Để đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng số 0941, Công ty S đã thế chấp xe tải pickup cabin kép biển số đăng ký 51D-226.25 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 294684 do Phòng C1 - Công an Thành Phố H cấp ngày 19/10/2017 do Công ty S là chủ sở hữu. Tài sản bảo đảm đã được thế chấp theo Hợp đồng bảo đảm tài sản số 0941/2017/BĐ ký ngày 19/10/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0941.01/SĐBS-HĐBĐ ngày 20/11/2017 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 19/10/2017.

Xét thấy, việc thế chấp đã được các bên thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, Công ty S ký kết Hợp đồng thế chấp là tự nguyện để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng số 0941 tại OCB.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên có đủ căn cứ xác định hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực đối với các bên. Vì vậy, Công ty N1 thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng số 0941 thì OCB có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng bảo đảm tài sản số 0941/2017/BĐ ký ngày 19/10/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0941.01/SĐBS-HĐBĐ ngày 20/11/2017, theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 19/10/2017 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ là phù hợp với quy

định tại các Điều 299, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể, OCB được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền cho phát mãi tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ vay:

- Xe tải pickup cabin kép biển số đăng ký 51D-226.25 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 294684 do Phòng C1 - Công an Thành Phố H cấp ngày 19/10/2017 do Công ty S là chủ sở hữu.

Riêng đối với xe tải pickup cabin kép biển số đăng ký 51D-228.00 là tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 0942/2017/HĐTD-DN ngày 23/10/2017 và đã được thế chấp theo Hợp đồng bảo đảm tài sản số 0942/2017/BĐ ký ngày 23/10/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0942.01/SĐBS-HĐBĐ ngày 20/11/2017 đã được OCB đã tiến hành thu giữ, bán đấu giá xe theo quy định pháp luật nên OCB không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản bảo đảm này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng đã được Ngân hàng tạm ứng. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Công ty S có trách nhiệm hoàn trả cho OCB số tiền trên.

[4] Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

Căn cứ Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, OCB có nghĩa vụ chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. OCB đã nộp đủ.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho OCB là 1.155.971.223 đồng, do đó án phí Công ty S phải chịu là 46.679.137 đồng.

Hoàn trả cho OCB toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 19.883.252 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0035810 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 180; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 303, Điều 307, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 323, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N4 về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P:

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền là 1.155.971.223 đồng (một tỷ, một trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm hai mươi ba đồng), cụ thể như sau:

- Khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 0941/2017/HĐTD-DN ngày 19/10/2017 là 793.714.658 đồng, trong đó nợ gốc là 470.500.000 đồng, lãi trong hạn là 131.339.770 đồng, lãi quá hạn là 191.874.888 đồng;

- Khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 0942/2017/HĐTD-DN ngày 23/10/2017 là 362.256.565 đồng, trong đó nợ gốc là 197.898.000 đồng, lãi trong hạn là 116.303.427 đồng, lãi quá hạn là 48.055.138 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Công ty TNHH N1 thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0941/2017/HĐTD-DN ngày 19/10/2017 thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng bảo đảm tài sản số 0941/2017/BĐ ký ngày 19/10/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0941.01/SĐBS-HĐBĐ ngày 20/11/2017, theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 19/10/2017 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ. Cụ thể, Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền cho phát mãi tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ vay:

- Xe tải pickup cabin kép biển số đăng ký 51D-226.25 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 294684 do Phòng C1 - Công an Thành Phố H cấp ngày 19/10/2017 do Công ty S là chủ sở hữu.

Riêng đối với xe tải pickup cabin kép biển số đăng ký 51D-228.00 là tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 0942/2017/HĐTD-DN ngày 23/10/2017 và đã được thế chấp theo Hợp đồng bảo đảm tài sản số 0942/2017/BĐ ký ngày 23/10/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0942.01/SĐBS-HĐBĐ ngày 20/11/2017 đã được Ngân hàng TMCP P đã tiến hành thu giữ, bán đấu giá xe theo quy định pháp luật nên Ngân hàng TMCP P không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản bảo đảm này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã được Ngân hàng tạm ứng. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Công ty S có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền trên.

3/ Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

Căn cứ Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Ngân hàng TMCP P có nghĩa vụ chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Ngân hàng TMCP P đã nộp đủ.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH S2 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 46.679.137 đồng (bốn mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 19.883.252 đồng (mười chín triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi hai đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0035810 ngày

23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Chính